

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **Thủy Lợi**; Chuyên ngành: **Phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu**



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **LƯU THỊ DIỆU CHINH**
- Ngày tháng năm sinh: **12/11/1983**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;
Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**.
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: xã Nghi Tiến, Nghi Lộc, Nghệ An
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số nhà 45 Ngõ 22, Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ:
Lưu Thị Diệu Chinh, Bộ môn Thủy Lợi – Thủy Điện, Khoa Công Trình Thủy, Phòng 515, Nhà A1, Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội - Số 55 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
Điện thoại nhà riêng- ; Điện thoại di động: **0363 990 048**;
E-mail: chinhltd@huce.edu.vn; chinhxdbk@gmail.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ tháng 7 năm 2006 đến tháng 10 năm 2010: Kỹ sư thiết kế, Công ty Tư vấn Đại Học Xây Dựng.

Từ tháng 11 năm 2010 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Thủy Lợi-Thủy Điện, Khoa Công Trình Thủy, Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội.

Từ tháng 05/2014 đến tháng 12/2018: Nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại trường đại học Newcastle, Úc.

Chức vụ: Hiện nay: **Giảng viên** ; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Xây Dựng Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 55 Giải Phóng, quận Hà Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3863 0001

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *Không*

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: *Chưa*

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 3 năm 2006; số văn bằng: C618549; ngành: Xây dựng Thủy Lợi-Thủy Điện; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 08 tháng 7 năm 2009; số văn bằng: A286566; chuyên ngành: Tiếng Anh KHKT và Công Nghệ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 04 năm 2011; số văn bằng: A011047; chuyên ngành: Xây dựng Công trình thủy; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 8 năm 2018; số văn bằng: 30164171; chuyên ngành: Quản lý Thiên tai; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Newcastle, Úc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: *Chưa*

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Thủy Lợi

Chuyên ngành Phòng chống thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phân tích và đánh giá rủi ro thiên tai.

- Ứng dụng Machine Learning và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích, dự báo rủi ro thiên tai.

- Ứng dụng công nghệ GIS & RS trong đánh giá rủi ro thiên tai, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 03 **HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02 đề tài cấp Trường trọng điểm** vai trò chủ nhiệm.

- Đang hợp tác nghiên cứu quốc tế cùng các giáo sư từ các trường đại học lớn trên thế giới như GS Jason von Meding từ Đại học Florida (Mỹ), GS Matthieu Kervyn - Đại học VUB (Bỉ), GS Alexander Fekete - Đại học TH Köln (Đức), TS Guiseppe Forino - Đại học Salford (Anh), GS Terrence Fernando – Giám đốc Think lab (Anh), GS Mohammed Mojtahedi từ Đại học UNSW (Úc), GS Ali Asgary từ Đại học York (Canada).

- Đang thực hiện **02 dự án hợp tác quốc tế** với các giáo sư trên, với vai trò chủ nhiệm dự án phía Việt Nam, cụ thể, dự án hợp tác với trường VUB của Bỉ “**Cơ sở hạ tầng dữ liệu Geodata và khoa học công dân hỗ trợ sự phát triển bền vững cho các cộng đồng nông thôn khu vực tỉnh Quảng Nam**” trong 5 năm (trong đó cấp học bổng đào tạo 2 nghiên cứu sinh học tại đại học VUB (Bỉ) và 5 học bổng thạc sỹ trong nước) và dự án hợp tác kết nối đối tác với trường Đại học Bangor (Anh) “**Đánh giá rủi ro thiên tai và nâng cao năng lực thích ứng cộng đồng cho Việt Nam**” (<https://www.britishcouncil.vn/en/programmes/uk-vietnam-season-2023/projects/climate/natural-hazards-community-adaptation>).

- 45 bài báo khoa học (26 bài là tác giả chính), trong đó 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín SCI(E) và SCOPUS (21 bài SCI(E) Q1, 03 bài (E)SCI Q2, và 01 bài SCOPUS) trong đó 15 bài ứng viên là tác giả chính; 6 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước đều thuộc tạp chí ACI; 11 bài báo trình bày và đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế (03 bài thuộc danh mục Scopus).

- Số lượng trích dẫn (citations) và chỉ số Hindex trên [google scholar](https://scholar.google.com/) của ứng viên: **Số lượng trích dẫn (Citations): 1480, H-index=16, i10-index=23**

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020: Quyết định số 1168/QĐ-ĐH XD ngày 05/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng;

- Bằng khen của công đoàn trường Đại học Xây dựng Hà Nội khen thưởng “Giảng viên có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc” năm học 2020-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;
- Có bằng tiến sĩ với chuyên môn phù hợp với công việc đào tạo, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Tác phong, lối sống lành mạnh, gương mẫu; Chấp hành tốt các nội quy, quy định của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước; Không vi phạm đạo đức Nhà giáo;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành xuất sắc khối lượng giảng dạy được phân công;
- Hoàn thành và vượt khối lượng nghiên cứu khoa học theo quy định;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và điều lệ của Nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng thời gian công tác tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội: 12 năm 7 tháng (từ 01/11/2010 đến 30/6/2024).
- Tổng số thâm niên đào tạo: **07** năm **11** tháng (11/2011 – 5/2014 và 1/2019 – 6/2024), trong đó không kể thời gian là giảng viên tập sự (11/2010 – 11/2011) và thời gian làm nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Úc (5/2014 – 12/2018).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013	-	-	-	33	197,0	-	197,0/373,4/270,0
2	2013-2014	-	-	-	36	177,21	-	177,21/382,41/270,0
4	2019-2020				74	137,6	-	137,6/383,15/270,0
03 năm học cuối								
6	2021-2022	-	-	01	8	189,8	-	189,8/287,8/270,0

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7	2022-2023	-	01	01	8	199,0	6	199,0/288,0/270,0
8	2023-2024		01	01	7	205,61	-	205,61/339,81/270,0

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận án tiến sỹ ; Tại nước: **Úc** năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: - Đại học Bách Khoa Hà Nội

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ IELTS của IDP điểm 6.5.

- Viết luận án, bảo vệ và nhận bằng Tiến sỹ tại Úc (Sử dụng tiếng Anh).

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phùng Văn Doanh		×	×		2020 – 2021	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	2022
2	Trịnh Hoàng Linh		×	×		2021 – 2022	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	2022

3	Phan Thị Lương Hà		×	×		2023-2024	Trường ĐH Xây dựng Hà Nội	2024
---	----------------------	--	---	---	--	-----------	------------------------------	------

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	-	-	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Công Nghệ GIS	GT	Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2023	4	Hà Thị Hằng, Lưu Thị Diệu Chinh		49/XN-ĐHXDHN Ngày 20/6/2023

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng bản đồ ngập lụt và đánh giá ảnh hưởng ngập lụt cho khu vực thành phố Thái Nguyên trên cơ sở ứng dụng công nghệ Google Earth Engine (GEE)	CN	02-NNC- ĐHXDHN Cấp cơ sở	Từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023	Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp trường ngày 20/6/2023 và Giấy xác nhận của phòng Khoa học Công nghệ về việc hoàn thành đề tài ngày 27/6/2023 Xếp loại: khá
2	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào lập bản đồ đánh giá rủi ro an toàn đập ở Việt Nam	CN	36-2020- KHXD-TĐ Cấp cơ sở	Từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2021	Biên bản đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp trường ngày 26/10/2022 và Giấy xác nhận của phòng Khoa học Công nghệ về việc hoàn thành đề tài ngày 27/6/2023

					Xếp loại: khá
--	--	--	--	--	---------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
A	Trước khi được công nhận Tiến Sĩ							
A.1	Bài báo Tiếng Việt							
1	Ảnh hưởng của đặc trưng hệ số thấm của đất thân và nền đập đến vị trí đường bão hòa	2	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng/ ISSN: 2615-9058			18, 73-79	02, 2014
A.2	Bài báo Tiếng Anh							
2	Influence of unloading soil modulus on horizontal deformation of diaphragm wall	2		Proceeding of International Symposium on New Technologies for Urban Safety of Mega Cities in Asia (USMCA2013)/ ISBN: 4-903661-64-4		2	1247-1255	10, 2013
3	A simple method to determine the unsaturated soil shear strength with respect to a wide range of matric suction	2		Proceeding of International Symposium on New Technologies for Urban Safety of Mega Cities in Asia (USMCA2013)/			1155-1164	10, 2013

				ISBN: 4-903661-64-4				
4	Effect of permeability of dam body and foundation on free surface	1	X	Proceeding of International Symposium on New Technologies for Urban Safety of Mega Cities in Asia (USMCA2013)/ ISBN: 4-903661-64-4			685-692	10, 2013
5	Hydropower development and Environmental Impact Assessments (EIAs) in Vietnam: current practice and shortcomings	2	X	Proceedings of 37th WEDC International Conference, Sustainable Water and Sanitation Services for All in a Fast Changing World			1-6	4, 2014
6	Flood mitigation through hydropower dam management in Vietnam	4	X	Proceedings of 5th International Disaster and Risk Conference	Scopus	8	429-432	8, 2014
7	A proposed flood risk assessment method for Central Vietnam	4	X	Proceedings of ANDROID Residential Doctoral School, 5th International Building Resilience Conference		5	336, 1-12	7, 2015
8	Resettlement in Vietnam's hydropower industry: policies and social impact assessment	4	X	Proceedings of RICS COBRA 2015			1-8	7, 2015
9	Theoretical framework for dam safety risk assessment for Vietnam	4		Proceedings of RICS COBRA 2015			1-9	7, 2015

10	Balancing costs and benefits in Vietnam's hydropower industry: A strategic proposal	3	X	International Journal of Disaster Resilience in the Built Environment	ESCI (Q2)	27	8(1), 27-39	02, 2017
11	Assessing flood hazard using flood marks and analytic hierarchy process approach: a case study for the 2013 flood event in Quang Nam, Vietnam	3	X	Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	80	90, 1031-1050	02, 2018
12	A flood risk assessment of Quang Nam, Vietnam using spatial multicriteria decision analysis	2	X	Water	SCIE (IF=3.530; Q1)	50	10(4), 461	11, 2018
13	Flood risk management activities in Vietnam: A study of local practice in Quang Nam province	3	X	International journal of disaster risk reduction, ISSN: 2212-4209	SCIE (IF=4.842; Q1)	20	28, 767-787	6, 2018
14	Analyzing flood fatalities in Vietnam using statistical learning approach and national disaster database	2	X	Proceeding of Resettlement Challenges for Displaced Populations and Refugees, Sustainable Development Goals Series, ISBN: 978-3-319-92498-4	Scopus	4	197-205	8, 2018
15	Analyzing Vietnam's national disaster loss database for flood risk assessment using multiple linear regression-TOPSIS	3	X	International Journal of Disaster Risk Reduction	SCIE (IF=4.842; Q1)	65	40, 101153	11, 2019
B	Sau khi được công nhận Tiến Sĩ							
B.1	Bài báo Tiếng Việt							

16	Nghiên cứu xây dựng bản đồ hiểm họa lũ lụt sử dụng vết lũ lịch sử và mô hình độ cao số	4	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng	ACI	1	15 (3V), 152-164	7, 2021
17	Đánh giá ảnh hưởng của lũ lụt khu vực tỉnh Quảng Bình sử dụng Google Earth Engine và các phân tích không gian	4	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng	ACI		16(5V), 101-113	11, 2022
18	Ứng dụng dữ liệu Sentinel-5P Tropomi trên nền tảng Google Earth Engine trong theo dõi ô nhiễm không khí tại thành phố Thái Nguyên	3	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng	ACI		17(2V), 78-94	5, 2023
19	Nghiên cứu ứng dụng thuật toán của Breiman tích hợp trong phương pháp Random Forest để xác định mức độ quan trọng của các yếu tố tới tai biến trượt lở đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.	8	X	Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất			65(1), 22 - 36	2, 2023
20	Nghiên cứu đánh giá sự tương quan số liệu đo mặn giữa các trạm quan trắc bằng phương pháp hệ số tương quan r	4		Hội nghị toàn quốc trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững ESSD (2023)			41-50	8, 2023
B.2	Bài báo Tiếng Anh							
21	Framework of spatial flood risk assessment for a case study in Quang Binh province, Vietnam	12	X	Sustainability	SCIE (IF=3.889; Q1)	16	12(7), 3058	4, 2020
22	Shallow Landslide Susceptibility Mapping: A Comparison between Logistic Model Tree, Logistic Regression,	15		International Journal of Environmental Research and Public Health	Scopus/ PubMed (Q1)	120	17(8), 2749	4, 2020

	Naïve Bayes Tree, Artificial Neural Network, and Support Vector Machine Algorithms							
23	A spatially explicit deep learning neural network model for the prediction of landslide susceptibility	14		Catena	SCI (IF=6.367; Q1)	195	188, 104451	5, 2020
24	New approach of water quantity vulnerability assessment using satellite images and GIS-based model: An application to a case study in Vietnam	8		Science of the Total Environment	SCI (IF=10.754; Q1)	23	737, 139784	10, 2020
25	Can deep learning algorithms outperform benchmark machine learning algorithms in flood susceptibility modeling?	10		Journal of Hydrology, ISSN: 1879-2707	SCI (IF=6.708; Q1)	50	592, 125615	01, 2021
26	Flood risk assessment using hybrid artificial intelligence models integrated with multi-criteria decision analysis in Quang Nam Province, Vietnam	8		Journal of Hydrology, ISSN: 1879-2707	SCI (IF=6.708; Q1)	70	592, 125615	01, 2021
27	Flood risk assessment using deep learning integrated with multi-criteria decision analysis	8		Knowledge-Based Systems	SCI (IF=8,139; Q1)	40	219, 106899	5, 2021
28	GIS-based ensemble computational models for flood susceptibility prediction in the Quang Binh Province, Vietnam	11	X	Journal of Hydrology, ISSN: 1879-2707	SCI (IF=6.708; Q1)	22	599, 126500	8, 2021

29	Flood-prone area mapping using machine learning techniques: a case study of Quang Binh province, Vietnam	8	X	Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	12	108 (3), 3229-3251	9, 2021
30	Flash flood susceptibility prediction mapping for a road network using hybrid machine learning models	8	X	Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	20	109 (1), 1247-1270	10, 2021
31	Flood susceptibility modeling using Radial Basis Function Classifier and Fisher's linear discriminant function	7	X	Vietnam Journal of Earth Sciences	ESCI (Q2)	5	44 (1), 55-72	01, 2022
32	Using decision tree J48 based machine learning algorithm for flood susceptibility mapping: A case study in Quang Binh province, Vietnam	5	X	CIGOS 2021, Emerging Technologies and Applications for Green Infrastructure: Proceedings of the 6th International Conference on Geotechnics, Civil Engineering and Structures	Scopus	5	1927-1935	01, 2022
33	Flood risk mapping and analysis using an integrated framework of machine learning models and analytic hierarchy process	6		Risk Analysis	SCI (IF=4,302; Q1)		43(), 1478-1495	9, 2022
34	A machine learning approach in spatial predicting of landslides and flash flood susceptible zones for a road network	8		Modeling Earth Systems and Environment	Scopus (Q1)	1	8(4), 4341-4357	11, 2022

35	Landslide susceptibility prediction mapping with advanced ensemble models: Son La province, Vietnam	7		Natural Hazards	SCIE (IF=3,158; Q1)	2	116, 2283-2309	01, 2023
36	Mapping direct flood impacts from a 2020 extreme flood event in Central Vietnam using spatial analysis techniques	3	X	International Journal of Disaster Resilience in the Built Environment	ESCI (Q2)	1	14(1), 85-99	01, 2023
37	A practical approach to flood hazard, vulnerability, and risk assessing and mapping for Quang Binh province, Vietnam	6		Environment, Development and Sustainability	SCIE (IF=3,972; Q1)	11	25, 1101-1130	01, 2023
38	An analysis of the relative variable importance to flood fatality using a machine learning approach	2	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE)	ACI		17(1), 125-136	3, 2023
39	Flash flood and landslide susceptibility analysis for a mountainous roadway in Vietnam using spatial modeling	7	X	Quaternary Science Advances	Scopus		11, 10083	4, 2023
40	Urban flood risk assessment using Sentinel-1 on the Google Earth Engine: A case study in Thai Nguyen city, Vietnam	5	X	Remote Sensing Applications: Society and Environment, ISSN: 2352-9385	ESCI (Q1)		31, 100987	5, 2023
41	Building drought classification map with landsat 8 image data in Bac Binh district, Binh Thuan province	4	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE) - HUCE	ACI		17(2), 120-132	6, 2023

42	Landslide spatial prediction utilizing fuzzy unordered rules induction ensemble models: a case study in Thai Nguyen, Vietnam	9		Modeling Earth Systems and Environment	ESCI (Q1)		10(3), 120-132	12, 2023
43	Improving the forecast performance of landslide susceptibility mapping by using ensemble gradient boosting algorithms.	6		Environment, Development and Sustainability	SCIE (Q1)		1-35	3, 2024
44	Application of the bayesian model averaging algorithm in evaluating and selecting optimal salinity prediction models	5		Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE)	ACI		17(4), 122-136	3, 2024
45	Mekong delta salinity risk assessment using spatial analysis and the Iyengar-sudarshan method	4	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (STCE)	ACI		18(2), 130-148	6, 2024

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 8 bài báo, số thứ tự 21, 28, 29, 30, 31, 36, 39, và 40.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)

+ Đồng hướng dẫn 01 NCS (đang thực hiện nghiên cứu)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: **Không**

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không**

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 11 CTKH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ***Không***

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Lưu Thị Diệu Chinh